

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-03-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH HÀ GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Tải Sào Tin

2. Ông Hoàng Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.

2. Bị đơn: Chị Vàng Thị S1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2022, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng S trình bày:

Ngày 14/12/2021 anh Nguyễn Trọng S và chị Vàng Thị S1 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C1, huyện X, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống được khoảng sáu tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị S thường xuyên kiểm soát chửi bới, cãi vã với anh S. Ngày 11/6/2022 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị Vàng Thị S1 bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang sống ly thân với anh S cho đến bây giờ. Nay anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng với chị S không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị S.

Về con chung, con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vàng Thị S1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị S cố tình trốn tránh không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì về việc anh S xin ly hôn chị S. Tòa án không lấy được lời khai chị S, không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 09/02/2023, chị S không có mặt tại phiên tòa. Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định ngày 06/3/2023 tiếp tục mở phiên tòa giải quyết vụ án. Ngày 06/3/2023 chị S vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/10/2022 về tình trạng hôn nhân của chị Vàng Thị S1 và anh Nguyễn Trọng S, ông Vàng Văn Y (bố đẻ chị S) xác nhận anh S và chị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc, chị S bỏ về nhà nhiều lần do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Gia đình khuyên giải chị S trở lại đoàn tụ với anh S mấy lần. Tháng 6 năm 2022 chị S bỏ về nhà, gia đình cố khuyên giải nhưng chị S không đồng ý trở về chung sống với anh S nữa mà bỏ đi làm thuê. Gia đình nghe chị S nói là đi làm thuê, không biết chị S đi làm thuê ở đâu.

Tại các Biên bản xác minh ngày 21/10/2022 về tình trạng hôn nhân của chị S2 và anh S3, ông Nguyễn Quyết T (bố đẻ anh S), ông Phạm Văn C (hàng xóm anh S), bà Lộc Thị Đ (Tổ trưởng Tô A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang), UBND thị trấn C1, huyện X đều xác nhận anh S và chị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 6 năm 2022 chị S bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang sống ly thân với anh S cho đến bây giờ.

Lời trình bày của anh S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay là đúng với thực tế Tòa án đã thu thập được. Chị S cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh S.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự gây khó khăn cho hoạt động tố tụng của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Vàng Thị S1 đến làm việc, đến phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng chị S2 cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng S. Cho anh S được ly hôn với chị S. Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Trọng S có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Vàng Thị S1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp ly hôn.

[2] Về thẩm quyền: Chị S là người bị kiện có nơi cư trú tại xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn chị Vàng Thị S1 đã được tổng đạt hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình không chấp hành. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị S được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Hai vợ chồng tuy là hôn nhân hợp pháp nhưng chị S bỏ đi sống ly thân với anh S từ tháng 6 năm 2022 đến bây giờ. Nay anh S xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị S nữa và xin được ly hôn với chị S. Như vậy, chị S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh S cho được ly hôn với chị S.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ. Chị S vắng mặt không có ý kiến về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Trọng S được ly hôn với chị Vàng Thị S1.

2. Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Trọng S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Vàng Thị S1 không có ý kiến về tài sản. Nếu sau này các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng S phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 51BB-21P0007530 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Anh S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Vàng Thị S1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND h. X;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND thị trấn C,
huyện X, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu hồ sơ vụ án

Nguyễn Quang Bình